TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N.

- ***Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Ttỉnh N tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/12/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/02/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1997 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1987 (có mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V kết hôn cùng anh Nguyễn Hồng T vào ngày 14/4/2017, trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trí Quả, huyện T, tỉnh N. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị V về chung sống cùng anh T ngay. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Theo chị V trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân là anh T không chịu làm kinh tế, nhưng lại hay rượu chè, cờ bạc và lần nào thua bạc về xin tiền chị không cho thì anh T chửi đánh chị. Năm 2019 anh T phạm tội trộm cắp tài sản và đã bị TAND huyện Txử phạt 38 tháng tù. Tháng 5/2022 anh T chấp

hành xong hình phạt tù trở về địa phương thì anh T vợ chồng tiếp tục xảy ra đánh cãi, chửi nhau, nguyên nhân là do anh T rượu chè, cờ bạc và ghen tuông vô cớ. Do chán nản nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 16/9/2017, từ khi ly thân anh T giữ cháu A lại không cho chị mang cháu A theo nên hiện nay cháu A đang do anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian ly thân chị vẫn về thăm con, nhưng chị đón con về nhà bố mẹ chị chơi thì anh T không cho đón mà còn đe doạ đánh chị. Ly hôn chị nhận nuôi cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị không có nhà đất riêng và vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ và chị đang là công nhân tại Công ty Canon ở khu công nghiệp Quế Võ, N thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị V không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Theo anh T trình bày: Tháng 7/2019, anh bị TAND huyện Txử phạt 38 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Tháng 5/2022 anh đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương và anh đã phát hiện chị V có biểu hiện nam nữ bất chính. Lúc đầu anh hỏi chị V không nhận và sau thì chị V lại nhận nên chị V đã bị anh chửi và tháng 6/2022 chị V đã mang quần áo tư trang bỏ về nhà đẻ ở. Anh đã đến nhà chị V đón nhưng chị V không về đoàn tụ cùng anh nữa. Nay chị V xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 16/9/2017. Trong thời gian anh đi chấp hành án thì cháu A do chị V nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu A do anh nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh vẫn cho chị V đến thăm con, nhưng anh không cho chị V đón con về nhà bố mẹ đẻ chơi. Hiện tại anh không có nhà đất riêng. Khi bố mẹ anh chết có để lại 01 thửa đất và các chị của anh đã xây dựng lên trên thửa đất đó 01 ngôi nhà 01 tầng để làm nơi thờ cúng và anh hiện đang ở đó. Công việc của anh làm nghề tự do thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Công việc hiện tại của anh làm thợ phụ xây dựng thường đi sớm về muộn nên việc đưa đón cháu A đi học và chăm sóc cháu A anh đều phải nhà người quen giúp đỡ. Ly hôn anh nhận nuôi cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Anh T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53,55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Hồng T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 16/9/2017 cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị V kết hôn cùng anh Nguyễn Hồng T vào ngày 14/4/2017. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã Trí Quả, huyện T, tỉnh N. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị V về chung sống cùng anh T ngay. Quá trình chung sống từ năm 2018 đến tháng 6/2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và anh T nghi ngờ chị V có quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 6/2022 chị V về nhà đẻ đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Tại phiên toà hôm nay, chị V anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thoả thuận, thuận tình ly hôn. Xét thấy việc tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T hoàn toàn tự nguyên và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xác nhận chị V anh T có 01 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 16/9/2017 hiện cháu A đang được anh T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị V anh T đều nhận được nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Xét thấy, chị V anh T đều có quyền được nuôi con, nhưng việc giao cháu

A cho chị V hay anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống, học tập và sự phát triển bình thường của cháu A. Xét về điều kiện kinh tế: Chị V và anh T đều không có nhà đất riêng; xét về việc làm và thu nhập: Hiện chị V đang là công nhân tại Công ty Canon ở khu công nghiệp Quế Võ, N thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng, anh T làm nghề tự do thu nhập không ổn định; xét về điều kiện chăm sóc cháu A: Do chị V đi làm Công ty nên thời gian ổn định và có chế độ theo quy định của pháp luật, còn anh T đi làm tự do nên thời gian không ổn định. Tại phiên toà hôm nay, anh T thừa nhận do công việc nên hằng ngày anh phải thường xuyên đi sớm về muộn; vì vậy, việc đưa đón cháu A đi học và chăm sóc cháu A anh T đều phải nhà người quen giúp đỡ. Qua xác minh nơi anh T đang cư trú đã thể hiện việc anh T nuôi cháu A như hiện nay là không được đảm bảo cuộc sống, học tập và sự phát triển bình thường của cháu. Do vậy, đã cơ sở kết luận nếu tiếp tục giao cháu A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là không bảo đảm bảo. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống, học tập và sự phát triển bình thường của cháu A nên HĐXX quyết định giao cháu A cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị V và anh T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Do chị V anh T đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Hoàng Thị V là nguyên đơn trong vụ án nên chị V phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 55,81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

- Về quan về hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Hồng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 16/9/2017 cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ttheo biên lai số: AA/2021/0005778, ngày 06/12/2022. Xác nhận chị V đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị V anh T mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- VKSND huyện Tỉnh N;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Trí Quả;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đăng Dũng **Nguyễn Thị Kim Dung**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2023.
Tại: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh N.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Sơn.
Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/12/2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1987.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989.

Đều cư trú tại: Thôn Tư Thế, xã Trí Quả, huyện T, tỉnh N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

2. Quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

3. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Thanh Tâm, sinh ngày 07/10/2004 và Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 12/5/2009 cho bà Yên được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đề cập xem xét, giải quyết *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Yên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Yên đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ttheo biên lai số: AA/2017/0003518, ngày 01/7/2020. Xác nhận bà Yên đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.*Biểu quyết nhất trí 3/3.*

5. Bà Yên có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Hùng vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. *Biểu quyết nhất trí 3/3.*

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Dũng **Nguyễn Thị Kim Dung** **Phạm Xuân Hà**